

Bản án số 65/2020/HSST
Ngày 13/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành, nguyên Giáo viên trường phổ thông trung học Lương Ngọc Quyến, thành phố TN
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu, nguyên giáo viên trường trung học cơ sở Chu Văn An, thành phố TN

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đ Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/3/2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân, thành phố TN, Tòa án nhân dân thành phố TN, xét xử sơ thẩm thẩm thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 19 tháng 09 năm 1996.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: L.H, phường A.L, thị xã K.M, tỉnh H.D. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969, con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. bị cáo chưa có vợ hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Lê Thị Thanh Th sinh năm 2000, có 1 con chung sinh năm 2016. Gia đình có 4 anh em. Bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2020 đến nay

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức TH.N**, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002 (khi phạm tội 17 tuổi 02 tháng, 17 ngày)

ĐKKHKT và chỗ ở: tổ 8, phường T.D, thành phố TN, tỉnh TN. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn Đức Kh (đã chết), con bà Trần Thị H.U, sinh năm 1977. Bị cáo chưa có vợ, con. Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2020 đến nay

Người Đại diện hợp pháp cho bị cáo TH.N: Bà Trần Thị H.U, sinh năm 1977. Địa chỉ tổ 8, phường T.D, thành phố TN (là mẹ đẻ của bị cáo, có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Công M. Địa chỉ xóm G, xã GT, huyện P.L, tỉnh TN. (Vắng mặt)

2. Chị Triệu Thị P, sinh năm 2000. Địa chỉ thôn ND, xã T.S, huyện C.M, tỉnh B.K (Vắng mặt)

Người chứng kiến: Vũ Đ.H, sinh năm 1961. Địa chỉ tổ 09, phường Đ.Q, thành phố TN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 03/01/2020, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố TN đang làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 09, phường Đ.Q, thành phố TN, phát hiện 02 đối tượng nam thanh niên điều khiển xe máy điện BKS: 29MĐ1-837.32 dừng xe tại cổng quán KARAOKE P.H có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiếp cận và yêu cầu kiểm tra, đối tượng ngồi sau tên là: Nguyễn Văn Đ khai nhận trên người đang cất giấu ma túy, sau đó Đ tự giác lấy từ trong túi áo khoác bên trái đang mặc ra 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 06 viên nén màu cam (Đ khai đó là ma túy “Ke” và “Kẹo”), đối tượng điều khiển xe máy điện khai tên Nguyễn Đ TH.N. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang niêm phong vật chứng theo quy định. Ngoài ra tạm giữ 01 xe máy điện BKS 29MĐ1- 837.27, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen.

Cùng ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành mở niêm phong cân xác định lấy mẫu giám định; Cân toàn bộ số tinh thể màu trắng có có khối lượng 0,851 gam, ký hiệu Đ; Cân toàn bộ số 06 viên nén màu cam có khối lượng 2,454 gam, ký hiệu Đ2.

Tại bản Kết luận giám định số 168 ngày 11 tháng 01 năm 2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh TN, Kết luận:

Mẫu chất tinh thể màu trắng trong bì ký hiệu Đ1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là 0,851gam;

Mẫu các viên nén màu cam trong bì ký hiệu Đ2 là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 2,454 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đ TH.N khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 03/01/2020, Đ đang ở phòng trọ cùng TH.N thì Đ nhận được điện thoại của một nam thanh niên (không xác định được danh tính cụ thể) gọi đến hỏi mua ma túy. Đ đồng ý và hẹn gặp nhau tại quán KARAOKE P.H ở tổ 9, phường

Đ.Q để giao dịch, sau khi thống nhất xong Đ bảo TH.N chở Đ đi giao hàng (bán ma túy) và cho TH.N 100.000đ, TH.N biết biết là chở Đ đi bán ma túy nhưng vẫn đồng ý. Sau đó, TH.N sang phòng trọ bên cạnh mượn xe máy điện BKS 29MĐ1-837.27 của chị Triệu Thị P (sinh năm 2000, trú tại thôn ND, xã T.S, huyện C.M, tỉnh B.K). Khi TH.N chở Đ đến quán KARAOKE P.H thuộc tổ 9, phường Đ.Q, thì bị tổ công tác Công an thành phố TN kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang niêm phong vật chứng theo quy định.

Căn cứ tài liệu điều tra, Hồi 18 giờ 30 phút ngày 03/01/2020 và 10 giờ 20 phút ngày 04/01/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện lệnh khám xét tại nơi ở đồ vật của Nguyễn Văn Đ tại tổ 6, phường Q.Tr, thành phố TN và Nguyễn Đ TH.N tại tổ 8, phường T.D, thành phố TN. Kết quả không phát hiện thu giữ gì.

Lời khai nhận của Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đ TH.N phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 02 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu Đ1, Đ2 (bên trong có chứa ma túy) Mẫu hoàn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen; 01 điện thoại di động Sam sung màu đồng đã qua sử dụng. Hiện số vật chứng trên đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Đối với chiếc xe máy điện BKS 29MĐ1-837.27 mang tên Nguyễn Tr.T là của anh Nguyễn Công M chủ cửa hàng cho chị Triệu Thị P thuê, chị P cho TH.N mượn nhưng không biết TH.N sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M chủ sở hữu quản lý sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSTPTN ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đ TH.N về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Trong phần luận tội, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đ TH.N về tội Mua bán trái phép chất ma túy; đánh giá tính chất; vai trò; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đ TH.N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, đề nghị áp dụng khoản 1,5 Điều 251, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối

với Nguyễn Văn Đ đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 42 (Bốn hai) đến 48 (Bốn tám) tháng tù giam, phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (năm triệu) đến 6.000.000đ (sáu triệu) đồng. Đề nghị áp dụng khoản 1,5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 12; Điều 91; Điều 98; Điều 101 đối với bị cáo Nguyễn Đ TH.N, đề nghị xử phạt Nguyễn Đ TH.N từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng tù giam. Không phạt bổ sung đối với bị cáo. Thời hạn tù đối với cả hai bị cáo Đ và TH.N tính từ ngày 03/01/2020

- Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu Đ1, Đ2 (bên trong có chứa ma túy) Mẫu hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số IMEL: 353816084895566, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn Đ;

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Sam sung màu đồng số IMEL1: 355213093909927, số IMEL2: 355214093909925, máy cũ đã qua sử dụng. Hiện số vật chứng trên đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Đối với chiếc xe máy điện BKS 29MD1-837.27 mang tên Nguyễn Tr.T là của anh Nguyễn Công M chủ cửa hàng cho chị Triệu Thị P thuê, chị P cho TH.N mượn nhưng không biết TH.N sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M chủ sở hữu quản lý sử dụng nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đ và TH.N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, cả hai bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố là không oan, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nói lời sau cùng cả hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất sớm trở thành người tốt trong xã hội.

Phần tranh luận người đại diện hợp pháp cho bị cáo TH.N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo còn trẻ nên nhận thức còn hạn chế, đồng thời hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bố đã chết, mẹ bận rộn công việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về để làm người có ích cho xã hội

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo TH.N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám xét, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Hồi 18 giờ 00 phút ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại tổ 09, phường Đ.Q, thành phố TN, tỉnh TN, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đ TH.N có hành vi tàng trữ 0,851 gam Ketamine và 2, 454 gam MDMA mục đích bán kiếm lời thì bị tổ công tác Công an thành phố TN phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Cả hai bị cáo tuổi đời còn rất trẻ các bị cáo biết việc mua bán chất ma túy là vật cấm được nhà nước quản lý, nhưng vì lợi ích cá nhân nên đã có hành vi phạm tội tàng trữ tổng cả hai loại ma túy Ketamine và MDMA là 3,305 gam mục đích về bán cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Khi phạm tội bị cáo TH.N thuộc lứa tuổi 16 đến 18 đây là độ tuổi còn đang học phổ thông trung học, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo TH.N có nhận thức, có khả năng điều khiển hành vi của mình, TH.N biết biết là chở Đ đi bán ma túy là trái phép nhưng để được hưởng lợi 100.000đ nên đã phạm tội. Do vậy hành vi của bị cáo Đ và TH.N đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 251 quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[4] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đ đã rủ TH.N đi thực hiện hành vi mua, bán trái phép chất ma túy để kiếm lời, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa PH.U. Ngoài ra, hành vi

nêu trên của các bị cáo còn là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Nên cần có hình phạt tương xứng với tội trạng của từng bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn Đ tham gia đồng phạm với vai trò là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi dùng điện thoại của mình để giao dịch mua bán ma túy; bị cáo Nguyễn Đ TH.N với vai trò giúp sức cho bị cáo Đ như mượn xe đưa Đ đi thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò phạm tội của bị cáo Đ cao hơn bị cáo TH.N

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy:

6.1. Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa cả hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trước hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đ TH.N, tính đến ngày phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 02 tháng 17 ngày, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội do đó được hưởng chính sách pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 91, Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự.

6.2. Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với cả hai bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cân nhắc có mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[7] Vật chứng của vụ án:

- 02 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu Đ1, Đ2 (bên trong có chứa ma túy) Mẫu hoàn lại sau giám định là vật cấm, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, đây là điện thoại do bị cáo Đ sử dụng dùng vào việc giao dịch để mua, bán ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- 01 điện thoại di động Sam sung màu đồng đã qua sử dụng, quá trình điều tra bị cáo khai sử dụng để liên lạc chở nhân viên phục vụ quán hát karaoke, không liên quan đến việc giao dịch mua bán ma túy nên cần tạm giữ chiếc điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Đối với chiếc xe máy điện BKS 29MD1-837.27 mang tên Nguyễn Tr.T quá trình điều tra cơ quan công an xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định anh Th bán xe cho anh Nguyễn Công M là chủ cửa hàng kinh doanh mua bán phụ kiện điện thoại và cho thuê xe máy điện tại tổ 08, phường Q.Tr,

thành phố TN. Anh M cho chị Triệu Thị P thuê xe máy điện trên. Quá trình điều tra chị P xác định cho TH.N mượn nhưng không biết TH.N sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã làm thủ tục trả lại cho anh M chủ sở hữu quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí

8.1. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo TH.N khi phạm tội mới 17 tuổi 02 tháng 17 ngày nên không phạt bổ sung đối với bị cáo

8.2. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn Đ ngày 03/01/2020 theo Đ khai nhận mua của một nam thanh niên tên “Th.B” không rõ họ tên, lai lịch địa chỉ. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không có cơ sở làm rõ để xử lý.

Đối với Triệu Thị P là người cho TH.N mượn nhưng chị P không biết TH.N sử dụng vào việc phạm tội. Nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đ TH.N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

1.1. Căn cứ Điều 17; khoản 1,5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước

1.2. Căn cứ Điều 12; Điều 17; khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đ TH.N 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020. Không phạt bổ sung đối với bị cáo

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo Đ và TH.N mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu Đ1, Đ2 (Bì niêm phong chứa chất ma túy, mẫu hoàn sau giám định). Mặt sau bì niêm phong có chữ ký của

Trần Đ Thủy, Ma Nhật Anh cùng 02 dấu tròn của phòng KTHS, Công an tỉnh TN

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số IMEL: 353816084895566, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn Đ;

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Sam sung màu đồng số IMEL1: 355213093909927, số IMEL2: 355214093909925, máy cũ đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng số 153 ngày 19/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị cáo TH.N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP;
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

